

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2023

“V/v Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được
2. Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị N, sinh năm: 1978; địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Anh D, sinh năm: 1976; địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà N, ông D đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau đó ông bà về chung sống tại địa chỉ: Tổ 9, khu phố H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Ông D mãi ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên

hai bên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà N đã cho ông D rất nhiều cơ hội nhưng ông D vẫn không sửa đổi nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa bà N và ông D mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ cho bà N được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm 2001 và Nguyễn Trần Tuấn D, sinh năm 2002. Con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Anh D:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D biết, Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Anh D và nguyên đơn bà Trần Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Trần Thị N xin ly hôn với ông Nguyễn Anh D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà N được ly hôn với ông D; Về con chung: Đã thành niên và đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh D, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Anh D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 30/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã Phước Long Thọ, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, lối sống chung không phù hợp. Ông D mãi ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn không thể giải quyết được, ông bà thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Tuy đã cùng nhau nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không thành. Bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án để bà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N; cũng như thông báo để ông D tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông D gửi đơn xin vắng mặt vì lý do bận công việc và để bà N tự giải quyết. Như vậy lời khai của bà N về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông D không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm 2001 và Nguyễn Trần Tuấn D, sinh năm 2002. Con chung đều đã thành niên và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm 2001 và Nguyễn Trần Tuấn D, sinh năm 2002. Con chung đều đã thành niên và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010129 ngày 08/02/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG